

CHƯƠNG 4

NHÂN SINH

MỤC 1. TỔNG QUAN VỀ NHÂN SINH LUẬN ĐẠI ĐẠO

MỤC 2. NHÂN BẢN

MỤC 3. NHÂN HÒA

MỤC 4. ĐẠI ĐỒNG

MỤC 1

TỔNG QUAN VỀ NHÂN SINH LUẬN ĐẠI ĐẠO

Khi hệ thống hóa giáo lý Đại Đạo, thuật ngữ “nhân sinh luận” được sử dụng để chỉ bộ phận giáo lý có nội dung liên quan đến các vấn đề cộng đồng con người.

Nhân sinh luận Đại Đạo đề cập đến xã hội nhân sinh như một tổng hòa của những tương quan giữa cá nhân và cá nhân, giữa con người và xã hội; nhằm xác định vai trò của cộng đồng đối với sự tiến hóa của con người, cũng như vai trò của cá nhân đối với việc phát triển xã hội.

1. NHẬN ĐỊNH VỀ CUỘC ĐỜI VÀ KIẾP SỐNG CON NGƯỜI

So với toàn bộ cuộc hành trình trên đường tiến hóa của một Tiểu Linh Quang trong vũ trụ Càn Khôn, thì thời gian mà con người tham dự vào cuộc sống thế gian chỉ là một khoảnh khắc ngắn ngủi. Tuy vậy, đó là một giai đoạn quan trọng trên đường trở về Bản Nguyên.

Xã hội loài người đã đạt được những tiến bộ kỳ diệu về khoa học, kỹ thuật. Tuy nhiên, con người bị chìm đắm trong trạng thái mất quân bình tâm vật, quên mất cội nguồn nhân bản, Thiên lương. Bên cạnh những thành tựu của trí năng, lòng tham dục của con người đã biến cuộc đời thành một bể khổ, một trường tranh đấu ác liệt. Đó là do con

người đã chấp phương tiện làm cứu cánh, say mê cái nhất thời mà đánh mất cái trường cửu.

Nói khác đi, với một kiếp nhân sinh ngắn ngủi, thay vì xem vật chất như là phương tiện nhất thời để tạm sử dụng hầu thực hiện sứ mạng vi nhân cao cả trên đường tiến hóa, trái lại, con người ôm chầm vật chất đã đạt được trong cuộc sống để rồi bất chấp đạo lý, xa dần nhân bản, vốn là cái trường cửu bất diệt trong mỗi con người; mà đó cũng chính là điểm quan yếu cốt lõi làm cho con người vượt lên trên vạn vật.

Vì lý do đó, Thượng Đế đã khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhằm đánh lên hồi chuông thức tỉnh nhân sanh, đưa con người trở lại cái nhìn chính xác về cuộc đời, đồng thời nhận thức rõ chân giá trị của con người trong thế Tam Tài đồng đẳng mà ý thức được sứ mạng vi nhân hướng đến cứu cánh sau cùng là tâm linh giải thoát:

“Thế gian lại là một chốn học đường của muôn loài vạn vật. Nhờ học đường ấy mà muôn loài vạn vật mới mở mang trí hóa, sáng suốt tinh thần, để tấn bộ trên nấc thang cao thượng.”¹

Ý nghĩa cuộc đời là như thế thì kiếp làm người không phải ngẫu nhiên. Giáo lý Đại Đạo khẳng định sứ mạng vi nhân của đời người:

*“Đến chốn trần gian một kiếp người,
Điểm Linh mỗi mỗi thọ ân Trời;
Đều mang sứ mạng vào nhân thế,*

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 22-9 Bính Tý (5 Novembre 1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1956), bài “Tham thiên nhập định”, tr.40.

Tròn vẹn quá công sẽ phản hồi.”¹

Vậy sống giữa xã hội với muôn ngàn bồn phận, nhu cầu, đòi hỏi hàng ngày, con người phải định tĩnh tâm thần để nhận chân được giá trị của mỗi mỗi sự kiện hầu làm chủ cuộc đời, vận dụng kiếp người cho công cuộc tiến hóa.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy:

“Linh hồn tạm mượn thể xác nơi cõi sắc giới này cũng ví như con ốc mượn hồn, đừng nên chấp cái vỏ ấy rồi làm trở ngại bước đường tiến hóa. Sự tu học của người tu hành, mục đích cuối cùng là toàn thiện toàn mỹ để thích hợp với trình độ tiến hóa của các Đấng trọn lành nơi cõi Hư Linh.

Tạm mượn chỗ giả để gây dựng cái chơn, đừng quan niệm rằng chỉ cực đoan theo cái chơn rồi phé tất cả cái giả. Nếu vậy là thả môi bắt bóng.

Tạo Hóa đã an định con người nơi cõi này phải làm tất cả những điều thích hợp đạo lý để phục vụ cho cõi này, mới mong có một nền tảng vững chắc làm bàn đạp tiến đến cõi chơn.”²

Giáo lý Đại Đạo cũng nhấn mạnh phương châm tự độ độ tha của sứ mạng vi nhân. Người giác ngộ vừa tự tu tự tiến, vừa phải dẫn thân giúp đời, hoàn thiện hóa xã hội trên cả hai mặt nhân sinh lẫn tâm linh.

Như vậy, nhân sinh luận Đại Đạo chỉ rõ thế gian là chốn xiển dương lý Đạo mà con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng. Sứ mạng con người là hoát khai được Đạo ở chính mình, để mỗi ngọn tâm đăng cho mọi người, thấp sáng đạo

¹ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 06-10 Nhâm Tý.

² Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 08-4 Canh Tuất.

lý trong cuộc đời. Chính con người định đoạt cái số phận thiên đàng hay địa ngục của cõi nhân gian.

2. GIẢI PHÁP CHO CÔNG CUỘC CHẤN HƯNG TOÀN DIỆN XÃ HỘI

2.1. Phục hồi Nhân Bản

Nhân bản là nguồn cội của nhân tính, là bản tính nhân ái hằng hữu nơi con người, vốn được khai phát từ đức hạo sanh vô lượng của Tạo Hóa. Nhờ có nhân bản mà con người mới có khả năng liên kết với nhau để tạo thành cộng đồng xã hội theo một kỷ cương nhất định.

Kỷ cương của một xã hội, về thực chất, chính là mối tương quan giữa những cá nhân trong xã hội đó. Vì là tương quan giữa con người và con người, nó phải được đặt nền tảng trên tình thương. Sự vong bản làm cho nền tảng đó bị suy sụp, dẫn đến sự tàn phá dần dần đạo đức và kỷ cương của xã hội, đồng thời làm phân hóa cộng đồng con người.

Công cuộc cải tạo một xã hội đương nhiên phải đặt nặng ở việc chấn hưng kỷ cương của xã hội đó. Nhưng không thể thực hiện công cuộc này bằng quyền lực hay bằng chiến tranh, mà chỉ có thể bằng con đường phục hồi nhân bản. Chất liệu duy nhất để liên kết con người với nhau hầu tạo thành đại cộng đồng nhân loại trong một kỷ nguyên thánh đức chỉ có thể là tình thương.

2.2. Tạo thế nhân hòa

“Tạo thế nhân hòa là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: nhân hòa, an lạc, và tiến bộ.”¹

Nhân hòa không phải chỉ là sứ mạng của tôn giáo mà chính là nhiệm vụ chung của cả loài người nhắm vào mục tiêu an lạc cho cuộc sinh tồn của cả nhân loại.

Nhân hòa là đường lối giải quyết tất cả mọi mâu thuẫn vướng mắc nơi con người, đồng thời cũng là điều kiện tất yếu để bảo đảm khả năng ổn định trường cửu cho xã hội loài người.

Tuy nhiên, muốn tạo được thế nhân hòa, cá nhân mỗi người phải vượt qua bản ngã của mình để nhìn thấy rõ cội nguồn của chính mình vốn là từ Thượng Đế.

2.3. Xây dựng xã hội đại đồng

Xã hội đại đồng là xã hội lý tưởng của con người, trong đó, mỗi thành viên đều có cái nhìn chung hướng về một nguồn gốc duy nhất là Nhân Bản, để từ đó san bằng những dị biệt đưa đến sự kỳ thị rẽ chia trong cộng đồng xã hội loài người.

Từ cái nhìn đó, con người sẽ thống nhất được những giá trị tinh thần trong khi vẫn duy trì bản sắc dân tộc. Nói khác đi, thế giới đại đồng là thế giới mà mỗi quốc gia là một đơn vị có cùng một ý chí, một tinh thần, cùng nhau nương tựa để phát huy bản sắc riêng biệt, bổ khuyết cho nhau, cùng tạo nên một tổng thể xã hội hoàn chỉnh.

¹ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tỳ thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

*“Muốn đại đồng cùng thiên hạ, hãy đại đồng với xã hội dân tộc của chư hiền trước đã.”*¹

Trong ý nghĩa này, đại đồng phải được xây dựng từ thể nhân hòa giữa các dân tộc, quốc gia, tôn giáo, học thuyết tư tưởng và giữa những cá nhân với nhau.

3. KẾT LUẬN

Nhân sinh luận Đại Đạo, với tinh thần nhập thế, chủ trương cuộc đời là một chốn học đường. Nơi học đường này, con người có dịp trui rèn, hun đúc để trở nên tốt đẹp, thánh thiện; đồng thời, con người cũng phải cố gắng học hỏi không phải chỉ trong lãnh vực tôn giáo hay tinh thần mà còn phải nói rộng về mọi mặt để có đủ tài đức phụng sự xã hội nhân sinh.

Nhân sinh luận Đại Đạo cũng chỉ ra rằng, phục hồi *nhân bản* là điểm then chốt để tháo gỡ mọi ranh giới kỳ thị phân chia, từ đó, con người tạo thể *nhân hòa* hầu xây dựng một thể giới *đại đồng* trong tình thương Tạo Hóa.

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.88-89.

MỤC 2

NHÂN BẢN

Đời sống xã hội của con người là một đối tượng có một bản thể xác định. Bản thể ấy chính là *Nhân Bản*.

1. ĐỊNH NGHĨA

Đức Đông Phương Chương Quán định nghĩa:

“*Thế nào là Nhân Bản? Là gốc của con người chăng? Khái quát là như vậy.*”¹

Do đó, có thể định nghĩa một cách khái quát: *nhân bản* có nghĩa là *gốc của con người*.

Còn đi sâu vào chi tiết, có thể định nghĩa như sau.

Thứ nhất, với chữ Nhân là con người – tiêu vũ trụ, *nhân bản* là cội nguồn, nền móng, cốt lõi và khuôn mẫu cho con người. Trong ý nghĩa này, giáo lý Đại Đạo đồng nhất *nhân bản* với *Tánh* (Bản Linh Chơn Tánh) của con người qua mệnh đề “*Tánh là Nhơn Bản.*”²

Thứ hai, với chữ Nhân là *nhân sinh* – *đời sống cộng đồng của nhân loại*, *nhân bản* có nghĩa là cội nguồn, nền móng, cốt lõi và khuôn mẫu cho đời sống cộng đồng ở bất kỳ quy mô xã hội nào, từ gia đình cho đến toàn nhân loại.

¹ Đức Đông Phương Chương Quán; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-7 Tân Hợi.

² Đạo Học Chi Nam, chương 2, tựa đề của tiết 3.

Hai định nghĩa trên đây của nhân bản có thể được tổng hợp thành một định nghĩa duy nhất: *Nhân bản là căn bản của nhân loại tính.*

Từ đây, nhân bản là thể tính đồng nhất giữa nhân sinh và vũ trụ, được hiện thực hóa bởi con người. Bản thể này được gọi là *Đạo* trong vũ trụ luận, *Bản Linh Chơn Tánh* trong triết luận về con người, và *nhân bản* trong nhân sinh luận.

2. CÁC GIAI ĐOẠN CHỨNG NGHIỆM NHÂN BẢN

2.1. Giai đoạn 1: Nhân bản qua đời sống gia đình

“Giai đoạn thứ nhất: Gốc cội của người mình là tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Khai sinh bởi cha mẹ, tổ tiên, thì người ta có bốn phận phải nhớ tưởng công ơn và sự nghiệp của chính người sinh thành ra mình. Đời sống có được ấm cúng thiêng liêng và ý nghĩa cũng nhờ bởi tinh thần hoài tưởng đến bậc tổ tiên, đến người trưởng thượng. Vịn theo truyền thống tốt đẹp của người xưa để lại, hầu tô điểm vào đời sống hiện hữu nơi mình, ấy gọi là “uống nước nhớ nguồn”, hay “người có tông, chim có tổ” ở chặng đường đầu tiên hạn hẹp.”¹

Mỗi con người đều có một nguồn gốc về thể xác, đó là cha mẹ, và xa hơn là ông bà, tổ tiên. Nhưng nguồn gốc về thể xác này chưa phải là nhân bản, mà chính *công lao nuôi dưỡng và giáo dục* của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, mới là nhân bản; vì chính nhờ công lao này mà gia đình tồn tại như là

¹ Đức Đông Phương Chương Quán; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-7 Tân Hợi.

một cộng đồng. Công lao này là một hiện thân của nhân bản trong phạm vi gia đình.

Một hiện thân khác là *tinh thần hoài tưởng đến bậc tổ tiên, đến người trưởng thượng của các thành viên gia đình*. Tinh thần đó không chỉ liên kết mọi cá nhân trong gia đình lại làm một, mà còn giúp cho các thế hệ con cháu nương theo những truyền thống tốt đẹp của người đi trước mà rút ưu bổ khuyết, làm cho cuộc sống hiện tại tốt đẹp hơn nữa.

Như vậy, ở giai đoạn đầu tiên của cuộc hành trình này, nhân bản là một tinh thần để kiến tạo, bảo tồn và phát triển đời sống của cộng đồng, bằng cách hòa hợp các cá nhân và các thế hệ với nhau trong một tình thương yêu chân thành ở phạm vi gia đình.

2.2. Giai đoạn 2: Nhân bản qua đời sống xã hội

“Sang đến giai đoạn thứ hai - là nguồn gốc bởi xã hội. Xã hội nơi đây được chia thành hai phần, một là dân tộc giống dòng, hai là xã hội tôn giáo. Có thể còn nhiều thứ xã hội nữa, nhưng trọng trung vài nét để tìm hiểu nguồn cội mà thôi.”¹

Chọn hai hình thái xã hội này làm tiêu biểu, vì hai lý do. Lý do thứ nhất, sau gia đình, thì xã hội dân tộc và tôn giáo là những hình thái xã hội cổ xưa nhất, bởi đó, căn bản nhất. Lý do thứ hai, dân tộc và tôn giáo là đều là những mô hình xã hội rất giống với mô hình của một gia đình, nên có thể xem chúng là những mở rộng tự nhiên của mô hình gia đình.

¹ Đức Đông Phương Chương Quán; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-7 Tân Hợi.

2.2.1. Xã hội dân tộc

“Nói về xã hội dân tộc giống dòng. Trải bao ngàn năm lăn lộn với cuộc sống đầy dẫy những đau khổ, những tương tranh, đối lấy sự sống còn cho dòng giống, đồng thời, những bậc anh hùng khai quốc đều lưu lại những sự nghiệp vật chất và tinh thần rất hào hùng và vẻ vang cho hậu thế noi theo cùng thừa hưởng. Vậy là những người theo sau đều tự thấy có bổn phận phải bảo vệ và săn sóc **tinh thần truyền thống cao đẹp** của cha ông để lại. Dù phải bách chiết thiên ma cũng bền lòng giữ vững tinh thần ấy để phát huy cho đoàn hậu thế, đồng thời để tiến tới sự tự hữu với những con người đang sinh sôi trên mặt đất.”¹

Mỗi một dân tộc đều có một nguồn gốc về lịch sử, từ những bậc anh hùng khai quốc của dân tộc đó. Nhưng nguồn gốc về lịch sử này chưa phải là nhân bản, mà chính *tinh thần hy sinh vì dân tộc* của các bậc anh hùng khai quốc mới là nhân bản trong xã hội dân tộc.

Nếu được giữ gìn và phát huy như một truyền thống, thì tinh thần ấy sẽ trở thành *dân tộc tính*, thành *tinh thần dân tộc*.

2.2.2. Xã hội tôn giáo

Lấy xã hội tôn giáo của đạo Cao Đài làm một ví dụ, Đức Đông Phương Chương Quán giảng giải về nhân bản một xã hội tôn giáo như sau:

“Nói về xã hội tôn giáo: Công nghiệp vĩ đại của những hàng khai sáng nền đạo từ hình thức đến sự truyền thọ mặc

¹ Đức Đông Phương Chương Quán; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-7 Tân Hợi.

khải, giáo lý, quy điều, và tinh thần vô ngã thuần chơn. Có những kẻ hy sinh trước cái hy sinh của mình như thế, ngày nay chưa hẳn mới được hưởng lấy sự thành tựu trên danh nghĩa. Nhưng thành tựu ở giai đoạn khai minh Đại Đạo đầu tiên ấy chưa phải hẳn kết cục cho sự thành công. Thế nên, là những người theo sau, mang lấy sứ mạng nối tiếp công cuộc hướng đạo, hành đạo, luân lưu xương mình giáo lý cho nền tôn giáo, phải tự nguyện tiếp tục theo đà của người xưa để mưu cầu sự thành công độ đời truyền đạo, làm sáng tỏ danh nghĩa Thượng Đế Chí Tôn qua con người tại thế.”¹

Mỗi một tôn giáo đều có một nguồn gốc về lịch sử, là vị Giáo Tổ của tôn giáo đó. Tuy nhiên, nguồn gốc về lịch sử này chưa phải là nhân bản trong phạm vi tôn giáo, mà chính *tinh thần thuần chơn vô ngã* để xây dựng nên móng nền vững chắc của tôn giáo mới là nhân bản trong xã hội tôn giáo.

Nhờ tinh thần đó mà Đại Đạo được khai minh qua sự sáng lập tôn giáo của vị Giáo Tổ. Cũng nhờ tinh thần đó mà mỗi tôn giáo đều là một hiện thân của Đại Đạo.

2.2.3. Nhân bản trong đời sống xã hội

Qua những ý nghĩa của nhân bản trong xã hội dân tộc và xã hội tôn giáo, có thể rút ra một quan niệm tổng quát hơn, có thể áp dụng cho mọi hình thái xã hội: ***nhân bản là tinh thần vong kỷ, vô ngã, xả thân vì tình thương đối với cộng đồng xã hội.***

¹ Đức Đông Phương Chương Quân; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 17-7 Tân Hợi.

Mỗi cộng đồng xã hội đều được khai sinh từ tinh thần vong kỷ, vô ngã nơi những vị sáng tổ của cộng đồng. Tinh thần đó phải được đặt nền tảng trên một tấm lòng nhân ái rộng lớn, mà nhờ đó, mới có thể quy tụ nhân tâm mà lập thành xã hội.

Sự kết hợp giữa tinh thần vong kỷ vô ngã với lòng nhân ái như vậy tạo làm thành căn bản cho nhân loại tính ở mọi hình thái xã hội. Tinh thần này và tình thương này không chỉ có một giá trị thiêng liêng đối với toàn nhân loại mà còn chứa đựng bản sắc đạo đức của từng xã hội. Xã hội nào đánh mất đi tinh thần này hoặc tình thương này, xã hội đó sẽ trở thành *xã hội vong bản*. Ngược lại, nếu căn bản này được giữ gìn và un đúc như một khuôn mẫu trong mỗi thành viên xã hội, được giáo dục và lưu truyền qua mọi thế hệ, thì xã hội ấy là một *xã hội nhân bản*.

2.3. Giai đoạn 3: Nhân bản qua đời sống nhân loại

Đây là giai đoạn mang tính chất đại đồng nhân loại. Do đó, bước sang giai đoạn này, các xã hội trong nhân loại phải cùng đóng góp những giá trị tốt đẹp trong truyền thống của mình để xây dựng nền văn minh chung cho cả nhân loại.

“Lúc Đức Thượng Đế tạo dựng nên muôn loài vạn vật, trong đó, có loài người, thì dưới chân của Ngài, trước mặt của Ngài, con người vẫn duy nhất là anh em với nhau. Bởi đồng tính đồng chất, nên sự sống trên những phương diện tinh thần, nào ham muốn, nào tốt xấu, nào thiện ác, phải quấy, đều được phân biệt bởi trí não con người. Dù ở đây hay ở đâu, con người chậm tiến thì nhận định sự phải quấy, thiện ác, với tư tưởng chậm tiến, con người văn minh thì nhận định thiện ác, phải quấy qua tư tưởng thông minh. Tuy những dân tộc loài người trên quả đất được phân biệt,

an định ở mỗi khuôn khổ, vị trí, và hoàn cảnh xã hội xa nhau, khác nhau, song sự xa cách, sự khác biệt ấy không phải là vấn đề cho con người quên mất nguồn gốc mình vốn một, quên mất bản chất mình là nhân từ như Thượng Đế, [đế] che chở lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa người và người, đồng thời sẵn sàng gìn giữ sự yên ổn cho bao loài hạ tiện khác đang sống dưới tầm mắt trí khôn của nhân loại.”¹

Đề đi đến đại đồng nhân loại, thì đối với mỗi xã hội, những giá trị chân, thiện, mỹ mang bản sắc đặc thù của mình là cái phải bảo tồn để đóng góp, còn những quan niệm độc tôn về gia đình, dân tộc, tôn giáo,... đều là những cái phải được thanh lọc để vứt bỏ. Bởi vậy, trong đời sống chung của nhân loại, gìn giữ nhân bản chính là trở về với tinh thần đạo đức, bảo tồn những khuôn mẫu chung cho toàn nhân loại:

“Việc gìn giữ nhân bản là quay về với tinh thần đạo đức, nhớ tưởng đến những hình dáng, kiểu mẫu cho chung hơn loại.”²

Ở giai đoạn này, Nhân Bản là Thượng Đế Tính, là Thiên Lương, là Chân Như Bản Thể của nhân loại. Đó là bản thể tự hữu và hằng hữu ở mọi con người, được Thượng Đế phú bẩm một cách đồng đều giữa cá nhân này và cá nhân khác, bất kể căn trí hay trình độ tiến hóa của từng cá nhân. Rõ ràng, Nhân Bản ở giai đoạn này xác định nơi mỗi cá thể con người một nhân loại tính phổ quát, bình đẳng và duy nhất.

¹ Đức Đông Phương Chương Quân; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuát thời, 17-7 Tân Hợi.

² Đức Đông Phương Chương Quân; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuát thời, 17-7 Tân Hợi.

2.4. Nhân bản qua mọi không gian và thời gian

Ba giai đoạn trên đây, từ gia đình, ra xã hội, đến nhân loại, là ba giai đoạn của sự chứng nghiệm *tinh thần vong kỷ vô ngã như là cội nguồn nhân sinh*. Điểm cuối cùng của giai đoạn này, nghĩa là đời sống chung của nhân loại, cũng là điểm đầu tiên, vì đó là chỗ con người có thể tìm ra được nơi cá nhân mình cũng như đồng loại mình một bản chất nhân từ vốn có của Thượng Đế.

Tinh thần đó, dù ở bất cứ không gian hay thời gian nào cũng đều được tôn thờ như là mẫu mực của nhân loại tính. Bởi vậy, con người với tinh thần đó được giáo lý Đại Đạo gọi là *con người muôn thuở muôn phương*, hay *con người nhân bản*.

3. CON ĐƯỜNG PHỤC HỒI NHÂN BẢN

3.1. Tại sao phải phục hồi nhân bản?

Nhân bản là nguyên lý, là Đạo, mà Thượng Đế vốn đã ban cho mỗi cá nhân, để chung tay nhau xây dựng nên đời sống cộng đồng. Nhờ có nguyên lý này mà từ thời nguyên thủy, con người mới có thể lập thành xã hội và tồn tại qua những biến đổi khắt nghiệt của thiên nhiên.

Nhưng sau hàng ngàn năm phát triển một cách thiếu quân bình giữa vật chất và tinh thần của xã hội nhân loại, sự vong bản đã dần dần xuất hiện từ cá nhân, đến gia đình, rồi lan rộng dần dần ra các cộng đồng xã hội, và cuối cùng, bao phủ cả cộng đồng nhân loại.

“Xã hội hiện thời, chiến tranh tương tàn là thể hiện phần nào sự phủ mờ nhân tính và tách rời nhân bản. Đối diện cùng nhau, con người không rung động trước sự đau khổ của con người đối nghịch. Con người bị quay cuồng

giữa con lóc với bản chất thiếu nhân bản. Con người mù và điếc trước mọi âm hưởng của lương tâm và nhân bản. Con người say sưa trong cái cuồng bạo của bản năng, của tham vọng; và đồng hóa con người chính danh với con người tối tăm tội lỗi đó.

Chính vì vậy mà con người không thấy và nhận thức được để mở lối thoát ra; ngoại trừ, nếu có những người ung dung nhìn vào và suy tư thì sự thể mới sáng tỏ, mới nhận chân được sự sụp đổ đang lần hồi vùi lấp con người vào cát bụi trầm luân.

Ngoài ra, các tổ chức giáo huấn đi ngoài tôn giáo cũng đã góp tay vào việc xô đẩy con người ra khỏi con người để tranh nhau đắm chìm tận hố sâu tội lỗi và tương diệt tương tàn.”¹

Như vậy, để nhân loại có một tương lai thái bình và thánh đức, thì phục hồi nhân bản là công cuộc cấp thiết hơn hết.

3.2. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là con đường phục hồi nhân bản

Phục hồi nhân bản cho nhân loại là lý do chủ yếu dẫn đến việc khai mở cơ cứu thế kỳ ba của Đức Thượng Đế:

*“Trải mấy ngàn, mấy trăm năm qua, cơ tiến hóa của nhân loại ngày càng đi sâu vào công cuộc kết thúc của một chu kỳ tam nguyên chuyển thế. Vì thế, Đức Thượng Đế, tá danh Cao Đài Tiên Ông, đến trong Tam Kỳ Phổ Độ để làm sáng tỏ giáo lý Đại Đạo trong nhứt nguyên chủ tể, **đem***

¹ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tỳ thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất.

nhân loại phục hưng tinh thần nhân bản để tái tạo dinh hoàn, lập Thượng Nguồn Thánh Đức.”¹

Muốn đạt được mục đích “Thế Đạo đại đồng, Thiên Đạo giải thoát”, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải phục hồi nhân bản cho toàn nhân loại. Những nấc thang tu tiến trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là một kế hoạch rất cụ thể để phục hồi nhân bản, vì những nấc thang đó dẫn con người đi từng bước qua Ngũ Chi Đại Đạo hầu trở về cội nguồn của con-người-chơn-nhơn, con-người-hiền-thánh-tiên-phật:

*“Những lời của Đấng Chí Tôn Thượng Đế và chư Phật Tiên, đã từng tha thiết dạy dỗ nhơn sanh những gì và điều dắt con người đi về đâu? Có phải dạy dỗ con người cho nên trang đạo đức, đầy đủ bốn phận vi nhân, sống trong tình thương Tạo Hóa và điều dắt về nơi **nhân bản, cội nguồn của con người chơn nhơn, con người hiền thánh tiên phật?** Thật là rõ ràng như ánh thái dương, như vàng trắng sáng, không có gì mờ ảo mông lung.”²*

4. DÂN TỘC VIỆT NAM VỚI SỨ MẠNG PHỤC HỒI NHÂN BẢN

“Thời kỳ này là thời kỳ Hạ nguồn mạt kiếp, tái tạo dinh hoàn, vì thế Thượng Đế và chư Tiên Phật phải chính mình đến thế gian lập đạo, hầu đem Thiên Mệnh lại cho nhơn loại, đem hòa bình cho đất nước, mà người Việt Nam cần phải thực hành trước nhứt.”³

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 12-02 Nhâm Tý.

² Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 25-02 Kỷ Mùi.

³ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Vạn Quốc Tự, Tuất thời, 20-11 Ất Tỵ.

Làm sao để thực hiện sứ mạng này? Giải pháp mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đề ra là *“Phục hưng tinh thần truyền thống cổ truyền của dân tộc dính liền với sự phục hưng văn minh nhân loại, để xây dựng một ngươn hội thái bình vĩnh cửu cho muôn người, tạo lập một thiên đàng cực lạc tại thế.”*¹

Việt Nam ngày nay vốn là *“một nước có một nền văn hóa huy hoàng từ ngàn xưa được cấu tạo trên một nền tảng văn minh nhân bản sớm nhất nhân loại”*². Trong suốt chiều dài lịch sử của mình, dân tộc Việt không những vẫn bảo tồn được bản sắc của mình là tình thương và lòng hiếu hòa, mà còn vượt trội hơn các dân tộc khác về đức tin, lòng đạo đức, và lòng ngưỡng mộ Thượng Đế cũng như các Đấng Thiêng Liêng, như chính Đức Chí Tôn đã xác nhận:

*“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều. Non sông tổ quốc các con đã bị giày xéo lâu đời, nhưng các con được trội hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức, ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng Trọn Lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa; do đó, dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”*³

Khi đón nhận các tôn giáo thuộc Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, dân tộc Việt đã lĩnh hội được tinh thần đạo đức

¹ Đức Trần Hưng Đạo; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 10-4 Ất Tỵ.

² Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 30-8 Tân Hợi.

³ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 30-10 Mậu Thân.

căn bản của các bậc Giáo Chủ để phát huy nhân bản trong dân tộc tính của mình:

“Đến ngày nay, dân tộc Việt Nam được ảnh hưởng tinh thần đạo đức của các Đấng Giáo Chủ, chân thiện mỹ đã thấm nhuần dân tộc tính, nên trải qua mấy nghìn năm, biết bao nhiêu cảnh thăng trầm thành bại, theo truyền thống cố hữu, dân tộc đã niêm vào triết lý thuần túy thâm uyên của đạo giáo, nên hùng trong hòa đồng, dũng trong an trị, chỉ đem Thiên Tính để thực hành Thiên Mệnh mà thôi.”¹

Bởi đó, dân tộc Việt Nam không những đã tích lũy được những tinh ba yếu lý của vạn giáo, mà còn biết vận dụng lấy chúng một cách nhuần nhuyễn, đến mức ngày nay có thể mang những kinh nghiệm này ra mà giải quyết những vấn đề chung của nhân loại:

“Tuy [từ] ngàn xưa, [có nhiều] kinh sách, [nhiều bậc] Giáo Chủ lập thành các giáo phái, nhưng hiện giờ, những tinh ba yếu lý thực dụng phương tiện cho hợp thời kỳ, riêng chỉ một nước Việt Nam đây thôi.”²

Tuy vậy, trong thời Hạ nguon mặt kiếp này, khi đạo đức trong toàn nhân loại bị mai một, thì dân tộc Việt cũng không thoát khỏi căn bệnh vong bản đã và đang lan rộng trên toàn cầu:

¹ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Vạn Quốc Tự (Chon Lý Đản), Tuất thời, 20-11 Ất Ty.

² Đức Ngõ Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu; Bát Nhã Thiên Đường (Long Hải), Tuất thời, 12-5 Giáp Dần.

“Cái truyền thống Tiên Long từ mấy ngàn năm về trước đã dần dần pha trộn sắc thái trần tục ngoại lai, không đủ bản chất anh linh uy hùng hiển hích như thuở nào.”¹

Mặc dù dân tộc Việt Nam không thoát khỏi căn bệnh vong bản chung của toàn nhân loại, nhưng Đức Thượng Đế đã từ bi xem xét những vốn liếng đạo đức mà dân tộc này đã dành dụm được, cũng như những thiệt thòi mà dân tộc này phải chịu trong lịch sử của mình, và ban trao sứ mạng kỳ ba. Chính nhờ hưởng được hồng ân ấy, Việt nam đã tránh khỏi thảm họa quốc phá gia vong, như lời mặc khải của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

“Đến thời kỳ này, Việt Nam hữu phúc, Đức Thượng Đế chan rưới hồng ân, ban huyền linh phép lạ cho đến thế gian để nhân sinh được thấu triệt cơ huyền nhiệm đất trời, sống trở lại cuộc đời thánh đức, hòa hợp Thiêng Liêng để tiến hóa lên bầu trời thanh thoát. Cũng chính thời kỳ này, dân tộc Việt Nam đang gặp hồi quốc phá gia vong, điêu linh thống khổ. Mấy mươi năm tao loạn, cốt nhục tương tàn, nếu không có sự cứu vãn của Thượng Đế, Bản Tăng nói cho chư đạo hữu được rõ, là sẽ không còn mảnh đất để dung thân khi toàn dân chẳng chịu hồi đầu hướng thiện.”²

Đó trước hết là một sự nâng đỡ dành riêng cho dân tộc Việt Nam, nhưng ngay tiếp theo sau, cũng là khởi đầu của một sự nâng đỡ rộng lớn hơn cho toàn nhân loại:

“Nhân sinh đâu biết rằng Thượng Đế đem đạo đến Việt nam là để nâng đỡ trong kỳ Hạ nguơn chuyển thế, để tinh

¹ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 22-5 Kỷ Dậu.

² Đức Vạn Hạnh Thiền Sư; Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 09-4 Kỷ Dậu.

thần không còn mờ tối trong mê tín, vật chất không đô hộ được tinh thần.”¹

Bởi vậy, kể từ ngày được Đức Chí Tôn đến để khai mở Đại Đạo, Việt nam đã trở thành “một giống dân tuy ít trong một lãnh thổ nhỏ hẹp, nhưng đã kết tinh, quy tụ được nhiều nguyên căn tá trần có nhiều tiền kiếp là sứ đồ trong Tam Giáo Đạo.”²

Do sứ mạng phục hồi nhân bản này, các Đấng Thiêng Liêng thường xuyên thôi thúc những người tín đồ Cao Đài mang dòng máu Việt Nam:

“Đại Đạo hoằng khai không riêng cho một quốc gia dân tộc nào, mà hãy nói đến sự may mắn của dân tộc Việt nam trước nhứt. Như vậy, nếu còn một người chưa biết chân lý Đại Đạo là nước Việt Nam chưa được thái bình, còn một người chưa tìm hiểu chơn lý Đại Đạo là dân tộc Việt Nam còn vong bản. [Phải] làm sao sớm được an lạc để tiến bộ cho kịp lúc với Long Hoa Đại Hội kết chung.”³

Như vậy, tương lai và sứ mạng của dân tộc Việt nam phụ thuộc rất nhiều vào sự thành bại trong công cuộc phục hồi nhân bản cho chính mình:

*“Đi về đâu Việt Nam ơi!
Về nơi Nhân Bản của Trời trước kia;
Non sông một dải kia kia,
Đừng cho ai cắt ai chia giống nòi.
Tinh thần đạo đức hằng nơi,*

¹ Đức Trần Hưng Đạo; Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 15-7 Ất Ty.

² Đức Bạch Liên Tiên Trưởng; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tuất thời, 10-10 Canh Tuất.

³ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 10-5 Canh Tuất.

Phát huy khắp chỗ, cùng nơi, hoàn cầu.”¹

5. KẾT LUẬN

*“Hãy đưa con người trở về đời sống nhân bản. Mọi sinh hoạt hãy nhắm vào **nhân bản**, vào **tình cảm thiêng liêng** mà Thượng Đế Chí Tôn đã dành cho mỗi con người.”²*

Những người Việt nam nào đã tự nhận mình là một tín đồ Cao Đài, phải quyết tâm tu học để “*nói lên tiếng nói từ cõi vô hình để chuyển lằn vào lòng nhân thế, làm động lực cảm hóa nhơn sanh, biểu dương cho tinh thần tự tin, tự tiến trên đường phục hồi nhân bản, phục hồi chơn lý đạo trong đời sống con người.*”³

¹ Đức Phan Thanh Giản; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 08-4 Tân Hợi.

² Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tý thời, 14 rạng 15-02 Canh Tuất.

³ Đức Phan Thanh Giản; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ thời, 08-4 Tân Hợi.

MỤC 3

NHÂN HÒA

Nhân loại ngày càng đông đúc, cuộc sống càng trở nên phức tạp. Từ cả ngàn năm nay, những nhu cầu về cơm ăn, áo mặc, đất sống, những mối tranh chấp hơn thua vì danh, lợi, quyền, những so đo khác biệt về ý thức, tư tưởng, những kỳ thị chủng tộc, màu da, tôn giáo và cả những sự thiếu hiểu biết trong khi nhận định các vấn đề, đã làm cho các mối quan hệ trong xã hội vốn đã gay gắt lại càng căng thẳng hơn, và đã dẫn con người những cuộc xung đột từ phạm vi nhỏ hẹp giữa các nhóm đến các cuộc chiến tranh các loại trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, tôn giáo,... trong từng khu vực hoặc toàn cầu.

Cho đến nay, tất cả những sức mạnh vật chất mà con người dùng trong những cuộc xung đột ấy vẫn chỉ là những biện pháp trong một lúc mà không thể giải quyết được toàn bộ những vấn đề của con người, vẫn chưa làm cho con người được thật sự bình an và tiến bộ trong cuộc sống. Sự phân cách trọng khinh giữa những người đồng loại vẫn còn đè nặng tâm lý các giống dân, các giới người, thậm chí, cả các tôn giáo.

Trong bối cảnh ấy, nhân hòa là một nhu cầu cấp thiết cho đời sống xã hội loài người.

1. Ý NGHĨA NHÂN HÒA TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Loài người đang ở trong thời Hạ nguyên, là thời kỳ đấu tranh mãnh liệt có khả năng đưa đến sự hủy diệt tất cả. Để bảo tồn sự sống, loài người không thể không quan tâm đến việc tạo lập thế nhân hòa. Nhân hòa là điều kiện để bảo đảm khả năng ổn định và bền vững cho tất cả các tổ chức và xã hội.

Ngay từ lúc khai đạo, Đức Thượng Đế đã xác minh ý định của Ngài:

“Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ chỉ vụ một chữ Hòa.”¹

“Sự yên tịnh và hòa bình là hai điều Thầy dụng để gieo mối Đạo.”²

Ý nghĩa của nhân hòa trong xã hội loài người là không lạnh lùng tranh chấp, không hơn thua, không đố kỵ, kinh chống nhau mà trái lại, nương tựa, nâng đỡ, trông chờ nhau. Bởi vì cõi tương đối không ai hoàn toàn. Những sự khác biệt mạnh yếu, hơn kém, thiếu đủ từ vật chất đến tinh thần giữa các cá nhân, các tập thể, các tôn giáo, các dân tộc cần được dung hòa, bù đắp cân xứng cho nhau trong tình đồng loại cùng chung cội nguồn để cùng tồn tại và tiến hóa.

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Chùa Gò Kén, 12-01 Đinh Mão (13 Février 1927); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.2, tr.26.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; 03-3-1927; Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.2, tr.32.

Nói chung, sự hòa hiệp phải được thể hiện ở mọi phương diện, trên mọi lĩnh vực trong cuộc sống, từ cá nhân đến gia đình, dân tộc, nhân loại, từ khoa học đến chính trị, tôn giáo; từ văn hóa nghệ thuật đến công, nông nghiệp,... Nhưng trước hơn hết và quan trọng hơn hết vẫn là sự hòa hiệp trong tinh thần. Tinh thần có tha thiết hòa ái mà chưa hiệp thì lâu mau gì cũng sẽ hiệp. Khi tinh thần chưa hòa, dù có hiệp một thì trước sau gì cũng sẽ tan rã. Đức Vân Hương Thánh Mẫu đã nêu lên một nguyên tắc chung:

*“Hòa là hòa ái, hòa hiệp, hòa đồng, với ai cũng hòa được hết (...) Hòa là cực điểm của tình thương, không hơn không kém, không lệch lạc, không người không ta, không màu da sắc tóc, không tôn phái, chỉ là một cứu cánh chung tối thượng để đem lại sự sinh tồn hạnh phúc an vui cho mọi người sống ở thế gian, không còn cách phân chủng tộc.”*¹

Như vậy, đó không chỉ là vấn đề đặt ra cho riêng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà là hướng nhắm chung của mọi người:

*“Mục đích thiêng liêng đã và đang kính cẩn tâm nguyện của bất cứ tôn chỉ nào, đó là hòa hiệp nhân loại để tiến hóa.”*²

Sức mạnh của sự hòa thuận, tương thân tương ái vô cùng to lớn, không những giúp cho loài người thoát ra những cơn lửa bỏng dầu sôi, tiến nhanh trong đời sống vật chất lẫn tinh thần, mà còn có khả năng đưa con người đến chỗ hiệp nhứt cùng Thượng Đế. Nói chung, hòa là nền tảng của mọi thành công:

¹ Đức Vân Hương Thánh Mẫu; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.18.

² Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, tr.130.

“*Có hòa rồi tát bể cũng vui.*”¹

2. BA YẾU TỐ CỦA NHÂN HÒA

Nhân hòa không thể chỉ là mơ ước trong tư tưởng hay trên lý thuyết mà phải đạt được mục đích thực tế và hữu dụng.

Nhân hòa được thể hiện ở cả hai mặt nhân sinh và tâm linh, dựa trên ba yếu tố có tính chất đồng hành và bổ sung nhau: nhân bản, an lạc, tiến bộ. Ba yếu tố này tạo thành một thể chân vạc vững vàng. Thiếu một trong ba yếu tố ấy thì nhân hòa sẽ không hoàn hảo.

2.1. Nhân bản, yếu tố cơ bản nhất

Xã hội hiện nay với những cuộc chiến tranh khốc liệt tàn sát lẫn nhau đã thể hiện phần nào sự phủ mờ nhân tính và tách rời nhân bản.

Đối diện cùng nhau, con người không rung động trước những đau khổ của con người đối nghịch. Con người không có tình thương với nhau vì đã đánh mất tình thương cùng với những tình cảm thiêng liêng vốn có từ khi tách rời Thượng Đế ra đi. Thực chất của vấn đề nằm ở chỗ mỗi người nhìn người khác như một đối thủ sai biệt, mà chưa nhận thấy mỗi dây liên hệ giữa những người có cùng bản thể từ Trời Đất, chưa nhận thấy vạn giáo đồng nguyên.

Xây dựng một cuộc sống nhân bản cho con người là đưa con người trở về với nguồn cội ban đầu. Đức Lê Đại Tiên dạy:

¹ Đức Diêu Tri Kim Mẫu; Nam Thành Thánh Thất, Tuất; 25-5 nhuận Tân Hợi.

“Con người hiện giờ đã mất quá nhiều điểm tựa của tâm linh. Niềm tin của con người đang sụp đổ. Các căn bản nhân tính của con người đã xa lìa. Chính vì vậy, thế nhân hòa phải tạo lập lại các giá trị nhân bản, đưa con người trở về với đời sống nhân tính đơn thuần.

Hiểu biết, hành động, phục vụ, phụng sự, mà không nằm trong nhân bản, sẽ đưa đến những hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội. Nhân bản có sáng chói, con người mới cảm thấy mình là con người. Dầu ở bất cứ lãnh vực hay hoàn cảnh quốc thổ nào, đời sống tâm linh càng phải tựa vào nhân bản. Có như vậy, đạo lý tôn giáo mới không rơi vào chỗ mông lung huyền ảo.”¹

Như vậy, mọi sinh hoạt của con người đều phải giữ lấy cái gốc: tính người và tình người.

2.2. An lạc, yếu tố hướng về một đời sống bình an, vui sướng về vật chất lẫn tinh thần

Mục đích trước tiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là ổn định cuộc sống vật chất, tiến đến chỗ không còn người đói rách, không còn người dốt chữ, không còn người hung dữ. Nói cách khác, quyền sống như một con người của mọi người phải được tôn trọng về mặt kinh tế lẫn an toàn xã hội.

Khi xã hội ổn định bình yên và đời sống thực tế thường ngày không còn có những mối băn khoăn lo nghĩ về mối cơm ăn áo mặc, nhà ở, việc làm; tinh thần không còn căng thẳng vì sợ hãi, vì khủng bố, vì đe dọa, bạo lực, chiến tranh,... có nghĩa là mọi người đã tiến dần đến hạnh phúc

¹ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr.30-32.

và có điều kiện để làm cho cuộc sống ngày càng tiến bộ hơn.

“Điểm nhấn gần nhất của vấn đề nhân hòa là cải thiện xã hội hiện tại, làm thế nào những cá nhân tự tạo thế nhân hòa (...)

Một phương cách có được là khi nào nó hợp thức với nhân bản, thỏa ứng với xã hội. Con người chỉ chấp nhận nó khi cảm thấy tâm linh và đời sống được bảo đảm một cách thiết thực trong xã hội ấy.”¹

2.3. Tiến bộ, yếu tố thúc đẩy cuộc sống phát huy về vật chất lẫn tinh thần

Cuộc sống không chỉ dừng lại ở chỗ an lạc, mà còn phải cải tiến luôn luôn theo quy luật tiến hóa. Sự tiến bộ sẽ là động lực nâng cao con người đến gần sự hoàn hảo trong mọi hướng của đời sống tâm linh và nhân sinh.

Con người không chỉ hài lòng ở chỗ cơm nó áo ấm mà còn phải được ăn ngon mặc đẹp và hưởng dụng những tiện nghi lợi ích do khoa học kỹ thuật đem lại.

Không chỉ hài lòng ở chỗ nhân thân được bình an, nhân phẩm được tôn trọng, xã hội được trật tự mà còn phải phát huy giá trị của nhân bản con người trong thế Tam Tài ngang cùng Trời Đất.

Nghĩa là có sự hài hòa giữa khoa học và tôn giáo, giữa đạo và đời, sao cho người của xã hội hoàn hảo một cách tự nhiên, không còn sự kềm thúc của luật lệ hay hình phạt. Lúc ấy thế nhân hòa đã được tròn vẹn.

¹Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr. 30-31.

3. ĐƯỜNG LỐI VÀ PHƯƠNG CÁCH THỰC HIỆN NHÂN HÒA

“Không một điều kiện nào bắt buộc con người hiến dâng cho đường lối nhân hòa là thế này hay thế khác. Nhưng tất cả điều kiện ở con người là biểu tượng cho chủ thuyết nhân hòa.”¹

“Tạo thế nhân hòa đòi hỏi ở người hướng đạo, bực thế thiên hành hóa nhiều sự kiên nhẫn để chiến thắng mọi tham vọng ngăn cách làm tổn thương đến chủ thuyết nhân hòa.

Cũng nói trước đây: một người ý thức chưa là tất cả ý thức để xác định thành quả của vấn đề. Điều quan trọng là gọi lên sự đồng ý thức chung cho mọi người và nhất trí cùng nhau khơi nguồn đào mạch cho dòng nước cứu khổ luân lưu bất tận.”²

Tôn giáo sẽ góp phần rất lớn để thực hiện nhân hòa bằng vai trò giáo dân vi thiện. Đây là biện pháp hướng dẫn nhân sinh hành động theo lương tâm để các hạt giống đạo đức được nhân ra nhiều thêm và lan rộng dần dần đến nhân loại.

“Giáo dân vi thiện là đem kiến thức đạo lý hoán cải lòng người...”³

Nói cách khác, giáo dân vi thiện là sự giáo dục về nhân bản, nhân tính, tình thương:

“Chỉ có lòng đạo và tình thương mới thể hiện và thực hiện được cõi thái hòa an lạc.”¹

¹ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr. 30-31.

² Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr. 30-32.

³ Đức Quan Thánh Đế Quân; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.188.

Do đó, rất cần “*cải tổ các ý thức tín ngưỡng nói riêng và niềm tin nói chung, đồng điệu trên nhịp nhàng giáo huấn. Giáo dục nhân bản đưa tới đích thực nhân hòa phải được xây dựng càng sớm càng tốt.*”²

Tóm lại, phương pháp nào cũng đặt trên cơ sở nhân bản, tình người và đòi hỏi nơi các nhà lãnh đạo quốc gia, tôn giáo có đủ sáng suốt và tình thương để giải quyết thế cuộc sao cho hợp lý và tình người.

Đứng trên tinh thần sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ, có thể nói rằng:

*“Có lập được thế nhân hòa thì xã hội đại đồng mới có cơ hội thành hình. Có lập thế nhân hòa thì sứ mạng cứu rỗi toàn thể vạn linh sanh chúng mới trọn vẹn. Có lập thế nhân hòa thì ngọn đuốc chơn lý đạo mới soi rọi cho tận cùng trái đất.”*³

¹ Đức Đông Phương Lão Tổ; Trúc Lâm Thiền Điện, Ngọ, 18-7 Kỷ Dậu.

² Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Suu Tập 1968-1969, tr.130.

³ Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên; Thánh Giáo Suu Tập 1970-1971, tr.29.

MỤC 4

ĐẠI ĐỒNG

Vũ trụ luận Đại Đạo đã nêu lên điểm trọng yếu nhất của con người ở tầm kích vũ trụ là Thượng Đế tính trong bản thể Tiểu Linh Quang đồng nhất với Đại Linh Quang. Nhờ đó, con người được xem là một chủ thể đồng đẳng cùng Tạo Hóa xét về cương vị đứng đầu vạn vật và về triển vọng tiến hóa đến mức độ toàn thiện toàn năng ở tương lai.

Con người đã được xác định khả năng đạt Đạo để trở nên hằng hữu trong Càn Khôn vũ trụ. Nhưng trong cuộc sống trần gian, thiên nhiên, lịch sử và quá trình phát triển nhân văn của nhiều khu vực địa cầu qua nhiều thế hệ đã khắc sâu vào tâm hồn nhân loại biết bao dấu ấn khác biệt dẫn đến tệ nạn kỳ thị áp bức bất nhân. Trên đà tiến bộ, vô tình hay hữu ý, cái tinh khôn, kỹ xảo của con người đã quay lại chia rẽ chà đạp đồng loại. Con người tự đánh mất đức Nhân, tự rời khỏi cương vị xứng đáng trên đường tiến hóa, trước sau sẽ tự hủy diệt, nếu không cải thiện.

Do đó, bước vào thời đại cực kỳ phân hóa ngày nay của nhân loại, nhân sinh luận Đại Đạo nêu lên lý tưởng đại đồng hầu làm phương thuốc đối trị căn bệnh kỳ thị phân chia hiểm nghèo.

Trong kinh Dịch, Soán truyện của quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn có câu:

“Đồng nhơn vu dã, hanh, lợi thiệp đại xuyên, kiền hành dã. Văn minh dĩ kiện, trung chính nhi ứng, quân tử chính dã. Duy quân tử nhi năng thông thiên hạ chí.”

Câu này có nghĩa là: Người quân tử thực hiện được chính sách đại đồng với thiên hạ thì làm được việc lớn, nhờ ở sự sáng suốt, dũng mãnh, đem lòng trung chính mà tương ứng tương hiệp với người đồng tâm. Đó là bậc quân tử thông suốt được chí hướng của thiên hạ.

“(…) Truyện của Trình Di nói: Chí của thiên hạ muôn thứ khác nhau, lý thì có một. Đấng Quân Tử biết rõ về lý, cho nên có thể thông được chí của người thiên hạ. Đấng Thánh Nhơn coi lòng của ức triệu người cũng như một lòng, là thông về lý mà thôi.

Văn vẻ sáng suốt thì có thể thông về lý, cho nên mới rõ về nghĩa Đại đồng; lại mạnh mẽ sáng suốt thì có thể thắng được lòng riêng tây của mình, nghĩa là quên lòng cá nhơn, để chung lo việc của toàn thể đồng bào, cho nên làm xong trọn được hết cái đạo Đại đồng. Như thế rồi mới có thể trung chính, hợp với sự đi của Trời, cùng là chí của người thiên hạ bốn phương.”¹

¹ Bài giảng Quê Thiên Hỏa Đồng Nhơn, Soán Truyện, Nghĩa rộng.

1. Ý NGHĨA CỦA MỤC TIÊU ĐẠI ĐỒNG

2.1. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã vạch ra một đường hướng đại đồng trong cộng đồng nhân loại

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đề ra mục tiêu đại đồng không phải chỉ nêu lên một biểu ngữ đoàn kết trước tình trạng chia rẽ của loài người, nhưng đại đồng ở đây là xác định một lập trường bình đẳng giữa con người và con người trên căn bản đồng nhất về bản thể.

Mỗi con người từ khi mới chào đời đều có cái vốn liếng nhân bản như nhau; do đó, có quyền sống, quyền tiến hóa ngang nhau. Mọi đối xử không tôn trọng nhân bản của người khác cũng là sự đánh mất nhân tính của chính mình.

2.2. Đại đồng không đòi hỏi sự rập khuôn của mọi hình thức văn minh văn hóa hay tư tưởng của loài người

Sắc thái nhân văn muôn màu muôn vẻ của mọi dân tộc đều bắt nguồn từ nhân bản. Tinh thần đại đồng là sự đón nhận, tán thưởng những giá trị, những công trình hướng về Chân Thiện Mỹ, dù chúng xuất phát từ bất cứ nơi nào trên địa cầu.

Đại đồng nhân loại không có nghĩa là xóa bỏ những nét đặc thù trong văn hóa của mọi dân tộc để tạo ra một thế giới không có những dị biệt. Theo giáo lý Đại Đạo, đại đồng chính là đồng nhất trong sai biệt, là sự thống nhất tinh thần nhân loại trên cơ sở nhận thức được sự hiện hữu của nhân loại tính (nhân bản tính) trong tất cả những biểu hiện đa dạng của dân tộc tính.

2.3. Đại đồng là mục tiêu của sứ mạng vi nhân

Ý nghĩa của kiếp sống con người là phụng sự, phụng sự từ xã hội, dân tộc, đất nước cho đến thế giới nhân loại. Con người chính danh tự nhận sứ mạng làm người của mình là xây dựng cuộc đời thánh đức, trong đó mọi phương diện sinh hoạt đều biểu lộ bình đẳng, tình thương, nhân bản.

“Mỗi người đều có một sứ mạng chung, đó là: tu thân hành đạo, làm sáng danh đạo, đem đạo độ đời từ chỗ tội lỗi hung ác trở lại đường thuận lương thiện mỹ, để có thể biến cảnh thế gian này trở thành cõi Thiên Đường Cực Lạc, lập lại đời Thượng Nguơn Thánh Đức. Chừng đó, giữa con người và con người đều lấy tình thương yêu ruột rà đối xử với nhau trong tình tương thân tương trợ.”¹

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA XÃ HỘI ĐẠI ĐỒNG VÀ CON NGƯỜI ĐẠI ĐỒNG

Nói đến nhân loại, có hai khía cạnh cần cứu xét: khía cạnh xã hội và khía cạnh cá nhân.

2.1. Xã hội đại đồng

Xã hội đại đồng là một xã hội “không kỳ thị phân chia, phù hợp xu hướng văn minh tiến bộ”², là một “cảnh giới an lạc hòa bình, hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian.”³

¹ Đức Ngồi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiếu; Cao Đài Hội Thánh (Dương Đông Phú Quốc), Tuất thời, 14-3 Đinh Mùi.

² Đức Cao Triều Phát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 nhuận Át Sửu.

³ Đức Cao Triều Phát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 nhuận Át Sửu.

2.1.1. Một xã hội không có sự kỳ thị phân chia

Xã hội đại đồng vẫn thừa nhận sự tồn tại của những dị biệt và những khuynh hướng độc lập nhau. Tuy nhiên, sự sai biệt đó không hề dẫn đến xung khắc, mà ngược lại, chính những sự trao đổi bù đắp nhau ấy càng làm phong phú thêm cho những khuynh hướng có trong cộng đồng.

Nếu biết nhắm vào một hướng tiến chung được đại đa số chấp nhận để đem đến hòa bình, an lạc, tiến bộ cho toàn nhân loại, thì dù khởi điểm có khác nhau nhưng rồi tất cả những khuynh hướng dị biệt cũng sẽ gặp nhau trong lý tưởng đại đồng.

Như vậy, xã hội đại đồng là một tổng thể được hợp bởi nhiều cấu tử: các dân tộc, các tôn giáo, các khuynh hướng tư tưởng. Tinh thần đại đồng là một tiền đề cần thiết để tập hợp tất cả những khả năng của mọi cấu tử và tổ chức những khả năng ấy lại trong một trật tự điều hòa, nhằm phát huy cao nhất sức mạnh nhân bản tính của cộng đồng nhân loại trong việc chấn hưng và phát triển thế giới mà cộng đồng này đang sinh sống.

2.1.2. Xã hội đại đồng là một xã hội văn minh tiến bộ

Muốn nền văn minh chung của nhân loại đạt được một sự phát triển đến độ hoàn mỹ, các quốc gia đều nhận thấy có một nhu cầu về sự phát triển liên khu vực, liên quốc gia, không phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa chính trị hay tôn giáo. Vậy mục tiêu đại đồng thúc đẩy tinh thần hợp tác đa quốc gia. Yếu tố quan trọng để thực hiện đại đồng là hợp tác.

Kế đến, những thành quả văn minh của nhân loại phải được phổ cập trên toàn thế giới. Trước hết, những khám

phá có giá trị thiết thực để bảo vệ cuộc sống tốt đẹp của con người phải trở thành những công trình chung. Các nước tiên bộ có nghĩa vụ chuyển những phát minh cần yếu thành những phương tiện thông dụng để bất cứ người dân nào của hành tinh cũng đều hưởng được. Đó là nguyên tắc đại đồng công dụng trong giáo lý Đại Đạo.

Nhưng điểm căn bản nhất của sứ mạng thực hiện một xã hội đại đồng phù hợp với xu hướng văn minh tiên bộ là phải làm thế nào để mỗi người dân trong mỗi quốc gia đều là người văn minh tiên bộ về kiến thức, tư tưởng và kỹ thuật. Sự tiến bộ chỉ thực sự xảy ra trong đầu óc con người chứ không phải trong hưởng thụ. Chính điểm căn bản này mới đem lại tự do bình đẳng thực sự trong mỗi cộng đồng xã hội và giữa các quốc gia.

2.1.3. Xã hội đại đồng là cảnh giới an lạc hòa bình, hạnh phúc thế gian và siêu xuất thế gian

Trên thế giới, lý tưởng đại đồng được đề cao nhiều lần, nhưng cho đến nay, nghèo đói và chiến tranh vẫn còn tiếp diễn ở nhiều nơi. Bởi thế, một xã hội đại đồng phải thể hiện được một cuộc sống an lạc hòa bình.

Con người sống an lạc không đòi hỏi sự giàu có xa hoa, mà trước hết cần có nghề nghiệp, có việc làm tự túc ấm no lâu dài. Dĩ nhiên, tinh thần đại đồng là chia sẻ và tương trợ, nhưng đó là tạm thời. Đại đồng phải đem đến khả năng tự phát triển ở mỗi người trong kế sách bình đẳng tự do của nhà nước. *“Nói thẳng vấn đề, hãy đại đồng kinh tế xã hội của nhân sanh.”*¹

¹ Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 3, mục 3.

Nhưng theo giáo lý Đại Đạo, con người cần hướng về sự tiến hóa toàn diện. Cuộc sống an lạc ở trần gian cần được xây dựng trên căn bản tâm linh. Nếu chỉ nhắm mục đích đòi người vào sự nghiệp vật chất sung túc, con người sẽ bị chi phối đến mức lệ thuộc vào vật chất. Con người tự đóng khung mình trong kiếp người hữu hạn với muôn vàn hệ lụy mà không khai phóng được điềm Đạo tự hữu. Ngược lại có giác ngộ được Đạo ở tâm linh, con người mới có thể an nhiên tự tại trước mọi diễn biến của ngoại giới. Sự giác ngộ đó chính là nguồn an lạc siêu xuất thế gian.

Thế nên, lý tưởng đại đồng không cực đoan ở mặt đòi sống vật chất hay mặt đòi sống tâm linh. *“Dầu muốn hay không thì tâm vật vẫn song hành, hai phương diện trong một con người. Lìa vật không có tâm, bỏ tâm không có vật. Thế nên sứ mạng đại thừa là thực hiện cứu cánh vạn khổ chúng sanh, hòa mình trong xã hội nhân loại (...) Thế dụng ứng biến, hình danh công cụ, tâm vật bình hành. Tất cả đều hoàn hảo trong cuộc sống tự do tự tại.”*¹

2.2. Con người đại đồng

Muốn có xã hội đại đồng, trước tiên phải có con người đại đồng. Con người đại đồng là con người mang tinh thần đại đồng, tức là:

- Phải ý thức rõ sự đồng tính, đồng chất, chung nguồn cội, cùng bản thể giữa người và Trời Đất vạn vật, để nhận biết cương vị và sứ mạng của con người trong việc tạo cảnh an lạc thái hòa cho vạn linh nói chung, nhân loại nói riêng.

¹ Đức Quan Thế Am Bồ Tát; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-7 Đinh Tỵ.

- Ý thức về quyền được sống bình đẳng như nhau trong cộng đồng nhân loại để không thiên lệch xu hướng, và biết bốn phận phải giúp đỡ nhau cùng tiến bộ cũng như san sẻ cho nhau để mọi người đều có đóng góp phần mình vào tiến bộ chung của toàn xã hội.
- Cùng hướng đến lý tưởng chung là tiến hóa toàn diện, thăng hoa thành những Con Người Muôn Thuở Muôn Phương có khả năng siêu xuất thế gian.

Tóm lại, con người đại đồng là con người sống đúng bản vị của mình, ý thức được sứ mạng tạo thế nhân hòa trong xã hội nhân sinh.

3. THỰC HIỆN ĐẠI ĐỒNG NHÂN LOẠI

3.1. Phương cách

Hiện trạng của cộng đồng nhân loại ngày nay là do nhân tâm tạo ra, vì vậy con người phải tự ý thức rằng chỉ có mình mới có thể giải quyết được vấn đề của chính mình.

Muốn thực hiện được mục tiêu đại đồng nhân loại thì ngay trong bối cảnh đầy phân tranh của xã hội hiện nay, phải xây dựng được một tập thể bao gồm những con người thật sự sống trong ý thức hệ đại đồng. Một tập thể như vậy chính là điểm quyền pháp làm động lực cho công cuộc tạo thế nhân hòa. Chính tập thể mẫu mực ấy là trung tâm phóng phát những năng lực nhằm khởi động cho cộng đồng nhân loại theo chiều hướng hiện thực hóa cứu cánh đại đồng.

Xây dựng một tập thể đại đồng như thế chính là xây dựng thực thể Đạo cứu thế kỳ ba. Trên tinh thần Tam Kỳ Phổ Độ, việc xây dựng thực thể ấy chỉ có thể thành công

trong thể Thiên Nhân hiệp nhất và quan điểm vạn giáo nhất lý. Chừng nào các tôn giáo là những ngọn đuốc soi đường đạo đức cho thiên hạ, phá chấp hình thức, dứt hẳn tự tôn vì lý tưởng Đại Đạo (là cứu độ nhân sanh và hướng về Thượng Đế duy nhất), chừng ấy mới đạt thành một thực thể cứu thế duy nhất.

3.2. Tiến trình thực hiện

Theo giáo lý Đại Đạo, công cuộc tạo lập thế giới đại đồng được thực hiện qua bốn giai đoạn:

3.2.1. Đại đồng lý thuyết

Đây là giai đoạn truyền bá tư tưởng đại đồng để xây dựng ý thức hệ đại đồng trong toàn nhân loại. Đức Chí Tôn Thượng Đế đã dạy:

"Đây, Thầy giải cho rành. Thời kỳ thứ nhất là ĐẠI ĐỒNG LÝ THUYẾT. Thầy phải lập một phái người để đi truyền bá tư tưởng cho nhơn sanh đều đặn biết thời kỳ đại đồng sẽ thống nhất, quy nguyên, hầu đến chỗ tự nhiên cực lạc. Thế thì những con lãnh hành đạo trong thời kỳ này phải hoàn toàn hạnh đức, đủ nghị lực lưu hành khắp nơi để đặt vào óc nhơn sanh một tư tưởng đại đồng (...)"¹

3.2.2. Đại đồng công dụng

Đối với hàng thiên ân sứ mạng quyền pháp, đây là giai đoạn phải chứng đắc cái Đạo tự hữu nơi mình để có thể thông công cùng Trời, hầu kinh quyền ứng biến trước mọi hoàn cảnh mà tạo dựng thể nhân hòa. Đối với nhân sanh, đây là giai đoạn nỗ lực thực hiện những hòa giải giữa

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Vĩnh Nguyên Tự, 01-3 Kỷ Mão.

những khuynh hướng đối lập và tìm tiếng nói chung giữa những khuynh hướng chưa đồng nhất để thoát khỏi sự diệt vong trong thời kỳ lịch sử nhân loại đang chuyển hóa từ hạ nguồn mặt kiếp sang thượng nguồn thánh đức.

Đại đồng công dụng còn có ý nghĩa là khả năng định thần, trực nhận Thượng Đế nơi bản tâm để Ngài hộ trì vượt qua khổ nạn. Ngài là Đấng Từ Bi Tối Cao duy nhất nhưng tình thương của Ngài ban đồng cho tất cả chúng sanh. Và mỗi chúng sanh cũng phải vận dụng tình thương của chính mình vô phân biệt đối với mọi kẻ đau khổ để thực hiện công dụng đại đồng của lòng bác ái thọ bảm từ Thượng Đế tính.

“Đương bây giờ nhơn sanh đang ở giữa một cảnh cát bay đá chạy, gió bụi ồn ào, thì cần biểu chúng nó nhắm đôi mắt lại, định thần chẳng nên xao xuyên qua lại, và chúng nó hết sức chủ tâm niệm tưởng rằng Thầy vẫn ở nơi bản tâm của nó, hằng hộ trì nó, lại nhắc nhở nó phải có một cái cảm tình thương yêu đặc biệt đối với những người đang ngộ cảnh như nó vậy, ấy là nhơn sanh đều phải từ CÔNG DỤNG ĐẠI ĐỒNG lần đến đặng chủ nghĩa.”¹

3.2.3. Đại đồng chủ nghĩa

Từ kết quả của hai giai đoạn trên, các quốc gia trên thế giới bắt đầu theo đuổi đường lối chính trị đại đồng để xây dựng đất nước phồn thịnh, dân tộc bình đẳng và hòa bình cho nhân loại. Chủ nghĩa đại đồng trở nên ngọn cờ được nêu cao trên hoàn vũ.

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Vĩnh Nguyên Tự, 01-3 Kỳ Mão.

Chủ nghĩa đại đồng trước hết sẽ được thể hiện ngay trong Hội Thánh duy nhất theo chơn truyền mà Đức Chí Tôn đã ban trao cho các Tông đồ thừa khai minh Đại Đạo:

“Nhơn sanh đã đại đồng tất thành một chủ nghĩa. Mỗi đũa đều an tịnh vững vàng, rồi Thầy sẽ chọn các anh con để quyền lập Hội thánh một ngày nào, lập định lại những chánh sách chơn truyền của Thầy giao cho các con một tám bản đồ đã quỳ vâng thọ lãnh trước mặt Thầy khi xưa (...)”¹

3.2.4. Đại đồng thành lập

Đại đồng thành lập là giai đoạn cuối cùng của tiến trình thực hiện đại đồng nhân loại sao cho cuộc sống đạo và cuộc sống đời là một tổng hòa trên đường tiến hóa của toàn thể nhân sanh.

“Các con đã hiệp lại nơi Tòa Thánh rồi, Thầy sẽ ngự đến hội Vạn linh để sắp đặt chánh thể của Đạo lại cho hợp với trình độ nhơn sanh, và Thầy sẽ làm cho cao thượng hơn xưa nữa để lưu truyền vạn cổ.”²

Đây là giai đoạn mà mọi sinh hoạt xã hội, mọi phương diện của đời sống tinh thần hay vật chất ở trong một gia đình, một nước và tất cả các nước đều thể hiện đầy đủ tính đại đồng. Mọi cá thể, mọi dân tộc đều được thụ hưởng đầy đủ nhân quyền, hoàn toàn tự do, an lạc trong sự nghiệp văn minh chung của nhân loại.

¹ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Vĩnh Nguyên Tự, 01-3 Kỳ Mão.

² Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Vĩnh Nguyên Tự, 01-3 Kỳ Mão.

4. KẾT LUẬN

Trong cõi nhị nguyên, nếu quan niệm xã hội đại đồng như một cảnh giới trong đó mọi dị biệt đều được san bằng, mọi bản sắc địa phương đều bị loại bỏ, chỉ còn lại một sự đồng nhất trên mọi phương diện, ở mọi khuynh hướng và trong mọi giá trị, thì đó chỉ là một quan niệm không thực tế. Giáo lý Đại Đạo xác định rằng điểm căn bản trong vấn đề đại đồng là phá tan mọi chấp ngã trong tư tưởng con người để từ đó vượt ra khỏi bản ngã của mình mà hòa nhập với Đại Ngã: Nhân loại chỉ có thể gặp nhau do Yếu Tính duy nhất và phổ quát của con người là Nhân Bản. Nêu cao một lý tưởng duy nhất cho nhân loại mà thiếu Nhân Bản Tính thì không bao giờ đạt đến kết quả đại đồng cả. Thế giới đại đồng - nhân loại đại đồng - chứa đựng tình thương vô biên giữa các dân tộc, trong đó, mọi tổ chức, mọi công trình đều vì con người, đều giúp cho mỗi con người sống an lạc, văn minh, thăng tiến toàn diện.